

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 261/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 28/5/2021
V/v tranh chấp “Xin ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Tuyết Hạnh**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lê Anh Chiến**
2. Ông **Nguyễn Trung Trực**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phan Thủy Uyên**, thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

Ngày 28 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 150/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2021 về tranh chấp “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2021/QĐST - DS ngày 19/5/2021 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Trịnh Thị P – sinh năm: 1987;

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện CG, tỉnh TG.

* *Bị đơn:* Trương Hoàng L - sinh năm: 1980;

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện CG, tỉnh TG.

Chị P, anh L có đơn xin vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trịnh Thị P trình bày:*

- Về tình cảm: Tôi và anh L sống chung và cưới nhau từ tháng 06 năm 2020, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện T, tỉnh TV. Quá trình chung sống thì thời gian đầu hạnh phúc (khoảng 03 tháng đầu) nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cãi vã, hôn nhân mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể kéo dài. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2020. Nay tôi yêu cầu được ly hôn với anh L.

- Về con chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: 01 sợi dây chuyền 24K 05 chỉ ; 01 dây đeo tay 24k 02 chỉ ; 01 đôi bông tay 24K 01 chỉ. Anh L giữ 03 món này. Ngoài ra, còn có 01 bộ vòng đeo tay 18K 3,2 chỉ và 01 cặp nhẫn cưới vàng 18K 0.99 chỉ. Chị P đang giữ 01 bộ vòng đeo tay, nhẫn thì mỗi người đang giữ 01 chiếc. Khi ly hôn chị yêu cầu chia đôi tài sản, mỗi người ½ số vàng đó.

Tuy nhiên tại phiên hòa giải, tôi xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu giải quyết về vấn đề tài sản chung. Về tài sản chung để vợ chồng chúng tôi tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Tại bản tự khai ngày 17/5/2021 bị đơn Trương Hoàng L trình bày:*

- Về tình cảm: Tôi thống nhất với lời trình bày của chị P, chúng tôi cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh TV. Nay chị P xin ly hôn với tôi thì tôi đồng ý.

- Về con chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Chúng tôi tự thỏa thuận. Không yêu cầu Tòa án giải.

- Về nợ chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Trịnh Thị P khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Trương Hoàng L, do đó Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Xin ly hôn” theo quy định tại Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Chị P, anh L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, do đó căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị P, anh L.

[3] Đối với yêu cầu xin ly hôn của chị Phường, Hội đồng xét xử xét thấy: Chị P trình bày chị và anh L sống chung và cưới nhau từ tháng 06 năm 2020, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện T, tỉnh TV. Quá trình chung sống thì thời gian đầu hạnh phúc (khoảng 03 tháng đầu) nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cãi vã, hôn nhân mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể kéo dài. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2020. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh L. Đối với anh L thì anh L thống nhất với lời trình bày của chị P. Anh đồng ý ly hôn với chị P. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị P. Chị P được ly hôn với anh L.

[4] Về con chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị P trình bày chị và anh L có: 01 sợi dây chuyền 24K 05 chỉ ; 01 dây đeo tay 24k 02 chỉ ; 01 đôi bông tay 24K 01 chỉ. Anh L giữ 03 món này. Ngoài ra, còn có 01 bộ vòng đeo tay 18K 3,2 chỉ và 01 cặp nhẫn cưới vàng 18K 0.99 chỉ. Chị P đang giữ 01 bộ vòng đeo tay, nhẫn thì mỗi người đang giữ 01 chiếc. Khi ly hôn chị yêu cầu chia đôi tài sản, mỗi người $\frac{1}{2}$ số vàng đó.

Tuy nhiên trong quá trình hòa giải và tại đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 12/4/2021, chị P xin rút yêu cầu khởi kiện về tài sản chung, không yêu cầu giải quyết về vấn đề tài sản chung để vợ chồng chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với anh L cũng trình bày, về tài sản chung để vợ chồng anh tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung của chị P.

[6] Về nợ chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về án phí: Chị Trịnh Thị P phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trịnh Thị P.

1. Về tình cảm: Chị Trịnh Thị P được ly hôn với anh Trương Hoàng L

2. Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung của chị P.

3. Về án phí: Chị Trịnh Thị P phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004802 ngày 31/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CG, tỉnh TG.

Hoàn lại cho chị Trịnh Thị P 668.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004801 ngày 31/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CG, tỉnh Tiền Giang.

4. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Còn đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND huyện CG;
- Chi cục THADS huyện CG;
- UBND xã N, huyện T, TV
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Tuyết Hạnh